

KẾT QUẢ TỐT NGHIỆP VÀ XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP - ĐỢT XÉT THÁNG 08/2025
ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHÓA HỌC 2022-2025 VÀ SINH VIÊN KẾT THÚC KHÓA HỌC KHÔNG ĐÚNG TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO

(Đính kèm theo Thông báo số 609/CDYT-HDXTN, ngày 08 / 9 /2025 của Hội đồng xét tốt nghiệp đối với sinh viên Cao đẳng chính quy khóa học 2022 - 2025 và sinh viên kết thúc khóa học không theo đúng tiến độ đào tạo)

I. DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP

TT		Mã SV	Họ và Tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số tín chỉ bắt buộc/Số tín chỉ đã tích lũy	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 10)	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 4)	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1. Lớp Cao đẳng Điều dưỡng 17A (27/28 sinh viên)												
1	1	B22101001	Nguyễn Cao Thùy	Anh	08/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.0	2.49	Trung bình	
2	2	B22101004	Hán Nữ Hải	Chuyên	22/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.2	2.64	Khá	
3	3	B22101005	Nguyễn Thị Mỹ	Chuyên	01/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.1	3.18	Giỏi	
4	4	B22101006	Bùi Kim	Cúc	17/3/2003	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.7	3.06	Giỏi	
5	5	B22101009	Lương Thùy	Dương	17/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.4	2.76	Khá	
6	6	B22101010	Nguyễn Tường	Duyên	02/02/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.3	2.66	Khá	
7	7	B22101012	Đổng Thị Thanh	Giang	08/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.77	Khá	
8	8	B22101013	Nguyễn Thị Hằng	Hà	07/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.83	Khá	
9	9	B22101014	Đoàn Bảo	Hân	10/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.8	3.03	Giỏi	
10	10	B22101015	Lê Thị Cẩm	Hằng	20/02/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.5	2.86	Khá	
11	11	B22101016	Trương Thị Thu	Hằng	25/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.8	3.02	Giỏi	
12	12	B22101021	Đinh Thanh	Huê	17/9/2003	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.8	3.08	Khá	Giảm một mức xếp loại tốt nghiệp từ Giỏi xuống Khá vì có thi lại 03 môn
13	13	B22101022	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	21/3/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.3	2.70	Khá	
14	14	B22101017	Trương Hồ Thanh	Hào	16/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.1	3.27	Giỏi	
15	15	B22101018	Phạm Thu	Hiếu	24/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.2	2.68	Khá	
16	16	B22101023	Võ Thị Thanh	Huệ	31/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.6	2.93	Khá	
17	17	B22101026	Nguyễn Thị Nhật	Hương	06/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.4	2.83	Khá	
18	18	B22101019	Lê Thị Mỹ	Hoa	07/3/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.4	2.74	Khá	
19	19	B22101020	Hồ Kim	Hoàng	23/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.74	Khá	
20	20	B22101027	Đinh Thị Trúc	Huy	10/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.7	3.05	Giỏi	
21	21	B22101029	Lê Nguyễn Bảo	Khương	28/5/2003	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.8	3.02	Giỏi	
22	22	B22101030	Nguyễn Xuân	Kiều	14/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.0	3.22	Giỏi	
23	23	B22101031	Vũ Thị	Lành	20/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.9	3.17	Giỏi	
24	24	B22101032	Trần Phạm Bích	Liễu	16/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.1	2.59	Khá	
25	25	B22101033	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	18/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.9	3.10	Khá	Giảm một mức xếp loại tốt nghiệp từ Giỏi xuống Khá vì có thi lại 03 môn
26	26	B22101035	Biện Thảo	Trang	28/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.90	Khá	
27	27	B22101104	Đặng văn	Bảo	21/10/2004	Nam	Quảng Ngãi	103/103	8.3	3.34	Giỏi	
2. Lớp Cao đẳng Điều dưỡng 17B (31/31 sinh viên)												
28	1	B22101036	Lê Thị Kim	Lụa	19/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.1	3.32	Giỏi	
29	2	B22101038	Nguyễn Thị Ngọc	My	07/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.68	Khá	
30	3	B22101039	Võ Thị Kiều	My	01/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.2	2.70	Khá	
31	4	B22101040	Phạm Thị Thúy	Nga	14/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.83	Khá	
32	5	B22101042	Ngô Nguyễn Khánh	Ngân	02/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.69	Khá	
33	6	B22101044	Trần Ngọc	Nghĩa	05/3/2004	Nam	Khánh Hòa	103/103	7.4	2.79	Khá	
34	7	B22101043	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	07/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.4	2.78	Khá	
35	8	B22101045	Hồ Thanh	Ngọc	01/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.5	3.54	Xuất sắc	
36	9	B22101046	Huỳnh Lê Minh	Ngọc	06/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.6	2.93	Khá	

TT		Mã SV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số tín chỉ bắt buộc/Số tín chỉ đã tích lũy	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 10)	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 4)	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
37	10	B22101047	Phan Như Ngọc	23/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.5	3.55	Xuất sắc	
38	11	B22101049	Thạch Băng Nhạn	05/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.75	Khá	
39	12	B22101050	Đặng Thị Yến Nhi	27/8/2003	Nữ	Đắk Lắk	103/103	8.5	3.53	Xuất sắc	
40	13	B22101051	Mã Quỳnh Nhi	21/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.75	Khá	
41	14	B22101052	Nguyễn Thị Nhi	27/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.0	2.53	Khá	
42	15	B22101053	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	18/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.9	3.07	Giỏi	
43	16	B22101054	Nguyễn Nhật Quỳnh Như	11/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.1	2.58	Khá	
44	17	B22101055	Đỗ Thị Kim Oanh	05/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.7	2.95	Khá	
45	18	B22101056	Huỳnh Thị Trúc Phương	17/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.4	2.78	Khá	
46	19	B22101057	Lý Nhật Phương	16/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.81	Khá	
47	20	B22101059	Trần Nguyễn Thanh Phương	30/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.2	3.35	Giỏi	
48	21	B22101060	Võ Thụy Lan Quyền	12/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.70	Khá	
49	22	B22101064	Trần Quốc Thắng	25/3/2004	Nam	Khánh Hòa	103/103	8.0	3.17	Giỏi	
50	23	B22101065	Trương Công Thắng	27/4/2004	Nam	Đắk Lắk	103/103	7.4	2.72	Khá	
51	24	B22101061	Huỳnh Trần Diễm Quỳnh	30/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.6	2.91	Khá	
52	25	B22101062	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	13/01/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.3	2.73	Khá	
53	26	B22101063	Trần Thị Tuyết Sương	27/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.7	2.94	Khá	
54	27	B22101066	Bùi Ngọc Thiên Thanh	31/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.85	Khá	
55	28	B22101067	Nguyễn Phương Thanh	04/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.6	2.87	Khá	
56	29	B22101068	Đinh Thị Ngọc Thảo	15/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.6	2.96	Khá	
57	30	B22101069	Nguyễn Anh Thư	16/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.7	2.97	Khá	
58	31	B22101070	Phan Trần Minh Trần	10/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.1	2.58	Khá	
3. Lớp Cao đẳng Điều dưỡng 17C (30/31 sinh viên)											
59	1	B22101071	Võ Thị Ngọc Anh	02/3/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.5	2.83	Khá	
60	2	B22101102	Phan Văn Hoa Anh Đào	24/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.2	2.66	Khá	
61	3	B22101072	Lê Thị Hương Giang	07/10/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.6	2.88	Khá	
62	4	B22101074	Bùi Ánh Linh	18/6/2004	Nữ	Nghệ An	103/103	7.5	2.94	Khá	
63	5	B22101075	Nguyễn Ngọc Yến Ly	30/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.2	3.34	Giỏi	
64	6	B22101076	Trần Thị Kim Oanh	13/9/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.5	2.83	Khá	
65	7	B22101077	Đinh Thế Cẩm Quyền	06/7/2003	Nữ	Đắk Lắk	103/103	8.0	3.23	Giỏi	
66	8	B22101078	Phạm Lê Anh Thi	12/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.2	3.40	Giỏi	
67	9	B22101079	Nguyễn Thị Mỹ Thoa	11/6/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.4	2.83	Khá	
68	10	B22101080	Phạm Nữ Hồng Thư	21/5/2003	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.83	Khá	
69	11	B22101082	Nguyễn Thị Thanh Thùy	10/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.3	3.36	Giỏi	
70	12	B22101084	Đoàn Thị Trà	04/6/2002	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.87	Khá	
71	13	B22101085	Lê Thị Ngọc Trâm	11/01/2003	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.1	3.23	Giỏi	
72	14	B22101086	Ngọc Thu Trang	09/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.82	Khá	
73	15	B22101087	Nguyễn Thị Huyền Trang	28/7/2004	Nữ	Hà Tĩnh	103/103	7.3	2.63	Khá	
74	16	B22101089	Trần Thị Khánh Trang	18/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.3	2.74	Khá	
75	17	B22101093	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	27/3/2002	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.86	Khá	
76	18	B22101091	Nguyễn Thị Kiều Trinh	12/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.6	2.95	Khá	
77	19	B22101092	Hồ Thị Thanh Trúc	05/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.86	Khá	
78	20	B22101094	Võ Thị Kim Tuyền	08/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.0	3.11	Giỏi	
79	21	B22101095	Phan Minh Tuyền	28/01/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	7.4	2.80	Khá	
80	22	B22101096	Hoàng Minh Tuyết	29/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.5	2.92	Khá	
81	23	B22101097	Nguyễn Thụy Gia Viên	20/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.2	2.66	Khá	
82	24	B22101098	Ngô Bùi Yến Vy	20/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.8	2.99	Khá	
83	25	B22101099	Nguyễn Thị Thanh Xoan	27/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	8.0	3.23	Giỏi	

TT		Mã SV	Họ và Tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số tín chỉ bắt buộc/Số tín chỉ đã tích lũy	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 10)	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 4)	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
84	26	B22101105	Nguyễn Huỳnh Thanh	Như	21/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.7	2.99	Khá	
85	27	B22103087	Hồ Huyền	Linh	28/8/2004	Nữ	Thanh Hóa	103/103	8.0	3.19	Giỏi	
86	28	B22101100	Hà Như	Ý	05/12/2003	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.4	2.68	Khá	
87	29	B22101101	Đoàn Đăng Bảo	Yến	20/11/2004	Nữ	Hà Tĩnh	103/103	7.5	2.81	Khá	
88	30	B22101103	Phạm Ngọc Bảo	Trình	02/10/2004	Nữ	Đắk Lắk	103/103	8.0	3.25	Giỏi	
4. Lớp Cao đẳng Dược 12A (40/44 sinh viên)												
89	1	B22103001	Trần Đặng Thu	An	11/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.53	Khá	
90	2	B22103002	Lê Hoàng	Anh	05/02/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.1	2.56	Khá	
91	3	B22103003	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	12/12/2004	Nữ	Hưng Yên	96/96	7.4	2.71	Khá	
92	4	B22103004	Phạm Nguyễn Tú	Anh	02/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.8	2.33	Trung bình	
93	5	B22103005	Nguyễn Đình	Ân	11/9/2003	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.2	2.65	Khá	
94	6	B22103007	Huỳnh Thị Bảo	Châu	23/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.1	3.33	Giỏi	
95	7	B22103008	Cao Thị	Chi	10/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.6	3.66	Xuất sắc	
96	8	B22103009	Nguyễn Thị Kim	Chi	28/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.0	3.28	Giỏi	
97	9	B22103010	Châu Chí	Cường	12/5/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	6.5	2.19	Trung bình	
98	10	B22103011	Nguyễn Thị Bích	Dân	01/10/2004	Nữ	Đắk Lắk	96/96	8.1	3.27	Giỏi	
99	11	B22103012	Ngô Thị Thúy	Diễm	08/9/2003	Nữ	Gia Lai	96/96	8.3	3.40	Giỏi	
100	12	B22103013	Võ Quỳnh Phương	Diễm	02/10/2004	Nữ	Đắk Lắk	96/96	8.2	3.23	Giỏi	
101	13	B22103014	Lê Bùi Huyền	Diệu	28/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.6	2.94	Khá	
102	14	B22103015	Đinh Thị Thùy	Dung	03/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.86	Khá	
103	15	B22103016	Lâm Thị Thu	Dung	03/9/1997	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.6	3.65	Xuất sắc	
104	16	B22103017	Ca Thị	Duyên	19/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.1	2.55	Khá	
105	17	B22103018	Diệp Thị Mỹ	Duyên	09/10/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.9	3.09	Giỏi	
106	18	B22103019	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	16/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.6	3.56	Xuất sắc	
107	19	B22103020	Lê Thùy	Duyên	22/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.86	Khá	
108	20	B22103021	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.7	3.11	Giỏi	
109	21	B22103022	Phan Huỳnh Ngọc	Duyên	10/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.1	3.33	Giỏi	
110	22	B22103023	Trương Thị Mỹ	Duyên	27/11/2002	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.75	Khá	
111	23	B22103025	Cao Thị	Đào	05/9/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.6	2.89	Khá	
112	24	B22103027	Nguyễn Văn	Đinh	19/02/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.68	Khá	
113	25	B22103029	Trương Hoàng	Giang	17/6/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.6	2.88	Khá	
114	26	B22103030	Hoàng Nhật Yển	Hà	06/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.9	3.18	Giỏi	
115	27	B22103031	Nguyễn Thị Xuân	Hà	08/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.0	3.28	Giỏi	
116	28	B22103033	Hoàng Ngọc	Hân	22/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.5	3.59	Xuất sắc	
117	29	B22103034	Nguyễn Mỹ	Hân	16/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.6	3.44	Giỏi	
118	30	B22103035	Nguyễn Thị Mai	Hân	20/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.7	3.71	Xuất sắc	
119	31	B22103036	Trịnh Hồ Ái	Hân	28/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.81	Khá	
120	32	B22103037	Nguyễn Thị Thu	Hằng	04/7/2004	Nữ	Đắk Lắk	96/96	8.7	3.61	Xuất sắc	
121	33	B22103040	Đỗ Trang Minh	Hào	21/11/2003	Nữ	Quảng Ngãi	96/96	7.9	3.08	Giỏi	
122	34	B22103046	Trần Trung	Hiếu	12/8/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.93	Khá	
123	35	B22103042	Dương Thị Lệ	Hiền	24/3/2004	Nữ	Đắk Lắk	96/96	8.7	3.60	Xuất sắc	
124	36	B22103043	Huỳnh Nguyễn Thúy	Hiền	14/12/2002	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.1	3.31	Giỏi	
125	37	B22103044	Trần Sỹ Diệu	Hiền	14/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.7	3.03	Giỏi	
126	38	B22103047	Nguyễn Xuân Nhã	Lam	02/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.82	Khá	
127	39	B22103048	Trương Ngọc	Mai	17/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.2	2.60	Khá	
128	40	B22103050	Mai Ánh	Tuyết	27/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.4	2.83	Khá	
5. Lớp Cao đẳng Dược 12B (42/45 sinh viên)												
129	1	B22103051	Đặng Tuyết	Hoa	18/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.55	Khá	

TT		Mã SV	Họ và Tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số tín chỉ bắt buộc/Số tín chỉ đã tích lũy	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 10)	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 4)	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
130	2	B22103052	Nguyễn Thị Ngọc Hòa		21/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.1	2.59	Khá	
131	3	B22103054	Phạm Thị Ngọc Huệ		30/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.4	3.44	Giỏi	
132	4	B22103055	Đặng Phúc Hưng		24/11/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.47	Trung bình	
133	5	B22103056	Hồ Vĩnh Hưng		30/6/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.8	3.16	Giỏi	
134	6	B22103057	Dương Thị Việt Hương		19/02/2003	Nữ	Lâm Đồng	96/96	8.4	3.51	Xuất sắc	
135	7	B22103058	Nguyễn Thị Lan Hương		14/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.7	3.06	Giỏi	
136	8	B22103059	Đỗ Ngọc Huy		27/02/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.63	Khá	
137	9	B22103061	Nguyễn Ngọc Huy		08/3/2004	Nam	Đắk Lắk	96/96	7.6	2.90	Khá	
138	10	B22103062	Nguyễn Nhật Huy		24/3/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	6.7	2.40	Trung bình	
139	11	B22103063	Võ Thị Hà Huyền		15/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.89	Khá	
140	12	B22103064	Trần Thị Huyền		03/12/2004	Nữ	Gia Lai	96/96	8.1	3.28	Giỏi	
141	13	B22103065	Nguyễn Thị Thùy Kha		10/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.8	3.03	Giỏi	
142	14	B22103066	Lê Minh Khải		13/12/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.68	Khá	
143	15	B22103067	Trần Quang Khải		13/01/2003	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.76	Khá	
144	16	B22103068	Trương Quốc Khải		08/8/2000	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.45	Trung bình	
145	17	B22103069	Lâm Chí Khanh		02/10/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.1	2.56	Khá	
146	18	B22103070	Nguyễn Viết Khánh		01/3/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	6.7	2.24	Trung bình	
147	19	B22103071	Cao Minh Khánh		22/12/2004	Nữ	Đắk Lắk	96/96	6.5	2.08	Trung bình	
148	20	B22103072	Lương Gia Khiêm		24/3/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.54	Khá	
149	21	B22103073	Nguyễn Trần Khôi		27/10/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.71	Khá	
150	22	B22103074	Huỳnh Nguyễn Hồng Khuê		05/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.2	2.73	Khá	
151	23	B22103075	Cà Thị My Khuê		27/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.7	2.26	Trung bình	
152	24	B22103076	Bùi Trung Kiên		18/11/2001	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.7	3.04	Giỏi	
153	25	B22103077	Nguyễn Anh Kiệt		01/01/2003	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.77	Khá	
154	26	B22103078	Nguyễn Mỹ Kim		19/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.52	Khá	
155	27	B22103079	Cao Thị Kỳ		03/3/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.9	2.40	Trung bình	
156	28	B22103081	Nguyễn Khánh Lam		06/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.7	2.25	Trung bình	
157	29	B22103082	Hồ Thị Thu Lan		28/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.6	2.34	Trung bình	
158	30	B22103083	Dương Thị Thúy Lê		28/9/2000	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.7	3.00	Giỏi	
159	31	B22103084	Ngô Phan Anh Lê		20/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.6	2.30	Trung bình	
160	32	B22103085	Phạm Quốc Ái Lê		22/4/2002	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.91	Khá	
161	33	B22103086	Đoàn Phạm Tố Linh		05/12/2002	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.4	3.51	Xuất sắc	
162	34	B22103089	Nguyễn Phan Diệp Linh		17/6/2002	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.9	3.14	Giỏi	
163	35	B22103090	Phạm Trần Phương Linh		30/8/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.79	Khá	
164	36	B22103091	Võ Mai Thùy Linh		28/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.7	2.29	Trung bình	
165	37	B22103093	Nguyễn Xuân Khôi Lộc		09/02/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.1	2.51	Khá	
166	38	B22103094	Cao Văn Long		02/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.1	2.59	Khá	
167	39	B22103099	Nguyễn Lê Thanh Thảo		17/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.6	2.25	Trung bình	
168	40	B22103096	Nguyễn Ngọc Kim Mai		22/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.4	3.43	Giỏi	
169	41	B22103098	Võ Thị Phương		14/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.57	Khá	
170	42	B22103100	Phan Thị Mai Trâm		03/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.77	Khá	
6. Lớp Cao đẳng Dược 12C (43/45 sinh viên)												
171	1	B21103096	Nguyễn Ngọc Kiều Trang		08/11/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.99	Khá	
172	2	B22103102	Nguyễn Thị Minh Huyền		10/6/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.8	3.05	Giỏi	
173	3	B22103103	Trương Ngọc Xuân Mai		17/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.4	2.80	Khá	
174	4	B22103104	Nguyễn Lệ Mẫn		13/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.3	3.35	Giỏi	
175	5	B22103105	Nguyễn Ngọc Trà My		04/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.84	Khá	
176	6	B22103106	Nguyễn Thị Ngọc My		05/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.6	3.01	Giỏi	

TT		Mã SV	Họ và Tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số tín chỉ bắt buộc/Số tín chỉ đã tích lũy	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 10)	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 4)	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
177	7	B22103108	Trần Nhật Hà	My	23/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.4	2.68	Khá	
178	8	B22103109	Nguyễn Thị Kiều	Mỹ	18/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.6	2.88	Khá	
179	9	B22103110	Huỳnh Thị Trúc	Nga	02/3/2002	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.0	3.20	Giỏi	
180	10	B22103111	Lê Thị Thu	Nga	15/9/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.4	2.81	Khá	
181	11	B22103113	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	20/11/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.1	2.56	Khá	
182	12	B22103114	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	08/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.6	2.91	Khá	
183	13	B22103115	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/3/2003	Nữ	Đắk Lắk	96/96	8.6	3.58	Xuất sắc	
184	14	B22103116	Nguyễn Thị Thu	Ngân	28/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.0	3.14	Giỏi	
185	15	B22103117	Phạm Khánh	Ngân	22/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.0	3.19	Giỏi	
186	16	B22103118	Trương Thị Thúy	Ngân	03/9/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.9	2.39	Trung bình	
187	17	B22103119	Võ Lê Trúc	Ngân	22/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.4	2.78	Khá	
188	18	B22103120	Bùi Lê Như	Ngọc	17/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.8	3.05	Giỏi	
189	19	B22103121	Nguyễn Bảo	Ngọc	28/10/2002	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.2	2.65	Khá	
190	20	B22103122	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	15/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.1	2.56	Khá	
191	21	B22103123	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	09/9/1997	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.1	3.18	Giỏi	
192	22	B22103124	Võ Hoài Bảo	Ngọc	03/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.4	2.82	Khá	
193	23	B22103128	Nguyễn Nguyên Thanh	Nhân	18/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.1	3.23	Giỏi	
194	24	B22103129	Lê Trịnh YẾN	Nhi	22/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.49	Trung bình	
195	25	B22103130	Lê YẾN	Nhi	20/12/1999	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.91	Khá	
196	26	B22103131	Nguyễn Đại YẾN	Nhi	15/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.6	2.96	Khá	
197	27	B22103132	Phạm Hoàng YẾN	Nhi	23/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.85	Khá	
198	28	B22103133	Huỳnh Thị Tố	Như	08/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.4	2.78	Khá	
199	29	B22103134	Lê Quỳnh	Như	30/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.9	3.15	Giỏi	
200	30	B22103135	Lương Thị Quỳnh	Như	14/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.1	2.58	Khá	
201	31	B22103136	Nguyễn Quỳnh Khánh	Như	16/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.4	2.70	Khá	
202	32	B22103141	Lê Hoàng	Phúc	09/7/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.2	2.66	Khá	
203	33	B22103138	Phạm Thị Kim	Nương	25/12/2000	Nữ	Thành phố Hồ Chí Minh	96/96	8.1	3.21	Giỏi	
204	34	B22103139	Nguyễn Thục	Oanh	07/02/1995	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.5	3.52	Xuất sắc	
205	35	B22103140	Lương Diễm	Phú	06/4/2004	Nữ	Đắk Lắk	96/96	7.4	2.85	Khá	
206	36	B22103143	Nguyễn Diệu	Phương	22/11/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.6	2.88	Khá	
207	37	B22103150	Thái Công	Quang	15/9/2003	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.8	2.98	Khá	
208	38	B22103144	Nguyễn Thảo	Phương	04/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.4	2.75	Khá	
209	39	B22103145	Trần Thị Minh	Phương	20/01/2004	Nữ	Đắk Lắk	96/96	7.7	2.99	Khá	
210	40	B22103146	Trần Thị Thanh	Phương	07/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.6	2.84	Khá	
211	41	B22103147	Huỳnh Thị Ngọc	Phượng	08/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.7	3.04	Giỏi	
212	42	B22103148	Mai Thị Kim	Phượng	07/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.8	3.05	Giỏi	
213	43	B22103259	Trần Nguyễn Khánh	Trần	05/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.2	2.66	Khá	

7. Lớp Cao đẳng Dược 12D (31/41 sinh viên)

214	1	B22103151	Trần Hà Nhựt	Ánh	22/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.90	Khá	
215	2	B22103154	Hồ Thị Phi	Nhung	22/7/2003	Nữ	Lâm Đồng	96/96	8.3	3.30	Giỏi	
216	3	B22103155	Phạm Trần Ngọc	Quỳnh	01/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.2	2.75	Khá	
217	4	B22103156	Huỳnh Như	Quỳnh	27/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.51	Khá	
218	5	B22103157	Nguyễn Lê Ngọc	Quỳnh	30/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.1	3.27	Giỏi	
219	6	B22103158	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	10/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.7	3.05	Giỏi	
220	7	B22103159	Phan Thị Kim	Quỳnh	04/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.2	2.65	Khá	
221	8	B22103160	Phan Trần Diễm	Quỳnh	01/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.7	2.89	Khá	
222	9	B22103167	Trần Văn	Thạch	16/01/1999	Nam	Khánh Hòa	96/96	6.8	2.44	Trung bình	
223	10	B22103164	Hàn Lệ Thu	Sương	15/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.9	2.46	Trung bình	

TT		Mã SV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số tín chỉ bắt buộc/Số tín chỉ đã tích lũy	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 10)	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 4)	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
224	11	B22103174	Nguyễn Trường Thọ	13/3/2003	Nam	Khánh Hòa	96/96	6.6	2.21	Trung bình	
225	12	B22103166	Phan Hoàng Thanh Tâm	07/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.9	2.45	Trung bình	
226	13	B22103169	Đinh Thị Mỹ Thảo	29/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.74	Khá	
227	14	B22103171	Nguyễn Phạm Thanh Thảo	28/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.56	Khá	
228	15	B22103173	Võ Thu Thảo	29/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.44	Trung bình	
229	16	B22103175	Phạm Thị Ánh Thoa	19/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.9	2.41	Trung bình	
230	17	B22103177	Nguyễn Ngọc Anh Thư	31/10/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.79	Khá	
231	18	B22103180	Nguyễn Thụy Cẩm Thư	10/02/2004	Nữ	Đắk Lắk	96/96	7.4	2.84	Khá	
232	19	B22103181	Nguyễn Thùy Đan Thư	13/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.86	Khá	
233	20	B22103182	Nguyễn Hà Thủy	23/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.90	Khá	
234	21	B22103183	Nguyễn Thị Chung Thủy	03/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.8	3.15	Giỏi	
235	22	B22103185	Trần Thị Ngọc Trâm	17/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.78	Khá	
236	23	B22103187	Lục Hương Trang	16/11/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.0	3.11	Giỏi	
237	24	B22103190	Nguyễn Thị Thùy Trang	30/7/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.54	Khá	
238	25	B22103191	Phạm Thị Thùy Trang	06/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.72	Khá	
239	26	B22103192	Phan Thị Thùy Trang	24/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.1	2.73	Khá	
240	27	B22103193	Trần Thị Ngọc Trang	28/12/1990	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.1	3.20	Giỏi	
241	28	B22103194	Trương Thị Thu Trang	30/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.6	2.32	Trung bình	
242	29	B22103198	Phan Lê Kiều Trinh	12/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.2	2.71	Khá	
243	30	B22103199	Trần Thị Ngọc Tuyết	17/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.7	3.01	Giỏi	
244	31	B22103200	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	08/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.2	3.35	Giỏi	

8. Lớp Cao đẳng Dược 12E (33/45 sinh viên)

245	1	B22103202	Đinh Thị Vân Dung	29/8/2003	Nữ	Gia Lai	96/96	6.8	2.45	Trung bình	
246	2	B22103204	Trần Đại Hùng	08/02/1994	Nam	Lâm Đồng	96/96	8.3	3.35	Giỏi	
247	3	B22103209	Đỗ Thị Thanh Nhân	31/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.1	2.73	Khá	
248	4	B22103210	Nguyễn Yến Nhi	24/02/2003	Nữ	Gia Lai	96/96	7.3	2.79	Khá	
249	5	B22103211	Lưu Quỳnh Như	02/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.53	Khá	
250	6	B22103219	Lê Quang Tú	29/7/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	6.5	2.3	Trung bình	
251	7	B22103215	Nguyễn Đức Toàn	09/5/2002	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.4	2.82	Khá	
252	8	B22103220	Trần Tuấn Tú	09/5/2004	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.75	Khá	
253	9	B22103216	Bùi Nguyễn Thanh Trúc	17/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.6	2.95	Khá	
254	10	B22103222	Phạm Minh Tùng	20/9/2001	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.1	2.59	Khá	
255	11	B22103223	Ngô Thị Uyên Tuyền	09/11/1988	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.0	3.24	Giỏi	
256	12	B22103224	Đỗ Phạm Ánh Tuyết	14/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.78	Khá	
257	13	B22103226	Đoàn Thị Thu Uyên	29/6/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.2	2.63	Khá	
258	14	B22103233	Trương Thị Mỹ Uyên	21/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.0	2.47	Trung bình	
259	15	B22103228	Lê Thị Lan Uyên	30/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.4	2.79	Khá	
260	16	B22103230	Nguyễn Nhật Uyên	01/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.73	Khá	
261	17	B22103231	Nguyễn Phương Uyên	25/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.1	3.26	Giỏi	
262	18	B22103232	Trần Ngọc Nhật Uyên	18/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.1	3.35	Giỏi	
263	19	B22103234	Trần Đình Thạch Uyển	31/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.85	Khá	
264	20	B22103235	Nguyễn Lê Ý Vân	21/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.2	2.67	Khá	
265	21	B22103236	Nguyễn Thị Thanh Vân	23/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.89	Khá	
266	22	B22103237	Phan Thị Thùy Vân	26/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.95	Khá	
267	23	B22103238	Trần Vũ Khánh Vi	24/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.2	2.67	Khá	
268	24	B22103240	Hồ Nguyễn Thanh Vy	23/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.91	Khá	
269	25	B22103241	Lê Nguyễn Hoàng Vy	19/5/2002	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.8	3.1	Giỏi	
270	26	B22103242	Lê Thanh Vy	09/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	8.3	3.34	Giỏi	

TT		Mã SV	Họ và Tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số tín chỉ bắt buộc/Số tín chỉ đã tích lũy	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 10)	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 4)	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
271	27	B22103243	Lê Thị Yến	Vy	29/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.9	2.46	Trung bình	
272	28	B22103255	Phan Thanh Minh	Sang	28/7/1993	Nam	Khánh Hòa	96/96	7.4	2.76	Khá	
273	29	B22103247	Nguyễn Lê Mai	Xuân	02/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.9	2.41	Trung bình	
274	30	B22103249	Đoàn Thị Kim	Yến	08/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.5	2.75	Khá	
275	31	B22103252	Biện Thị Anh	Thư	28/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.8	2.38	Trung bình	
276	32	B22103254	Phạm Thị Khánh	Ly	19/01/2000	Nữ	Khánh Hòa	96/96	9.1	3.93	Xuất sắc	
277	33	B22103253	Phạm Thị Mỹ	Huyền	23/12/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.7	3.06	Giỏi	
9. Lớp Cao đẳng Hộ sinh 10 (06/06 sinh viên)												
278	1	B22102001	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	25/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	98/98	7.5	2.89	Khá	
279	2	B22102002	Nguyễn Hương	Trà	15/02/2004	Nữ	Đắk Lắk	98/98	7.8	3.17	Giỏi	
280	3	B22102003	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/01/2003	Nữ	Khánh Hòa	98/98	7.9	3.19	Giỏi	
281	4	B22102004	Lê Nguyễn Yến	Trúc	13/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	98/98	7.7	3.03	Giỏi	
282	5	B22102005	Lương Hoàng Anh	Vy	13/3/2004	Nữ	Đắk Lắk	98/98	8.1	3.26	Giỏi	
283	6	B22102006	Cao Thị Bích	Yến	30/6/2003	Nữ	Khánh Hòa	98/98	7.5	2.90	Khá	
10 Lớp Cao đẳng Kỹ thuật Hình ảnh y học 14 (07/08 sinh viên)												
284	1	B22104001	Nguyễn Ngọc	Bích	28/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	99/99	7.9	3.21	Giỏi	
285	2	B22104002	Lê Tùng	Dương	19/7/2004	Nam	Khánh Hòa	99/99	6.7	2.35	Trung bình	
286	3	B22104003	Phạm Hoàng	Hải	12/10/1993	Nam	Lâm Đồng	99/99	8.0	3.23	Giỏi	
287	4	B22104004	Đồng Minh	Hiếu	29/02/2004	Nam	Khánh Hòa	99/99	7.4	2.81	Khá	
288	5	B22104005	Lê Anh	Kiệt	12/8/2004	Nam	Khánh Hòa	99/99	7.4	2.78	Khá	
289	6	B22104006	Hán Tùng	Lâm	16/6/2004	Nam	Khánh Hòa	99/99	7.5	2.81	Khá	
290	7	B22104008	Tôn Nữ Anh	Thư	30/10/1999	Nữ	Khánh Hòa	99/99	7.5	2.85	Khá	
11. Lớp Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm y học 14 (09/12 sinh viên)												
291	1	B22105001	Bùi Trần Hoàng	Anh	13/01/1996	Nam	Đắk Lắk	106/106	8.3	3.37	Giỏi	
292	2	B22105003	Lê Nguyễn Huyền	Ngân	15/4/2003	Nữ	Khánh Hòa	106/106	7.9	3.06	Giỏi	
293	3	B22105004	Lê trần mỹ	ngọc	09/6/2004	Nữ	Khánh Hòa	106/106	7.3	2.75	Khá	
294	4	B22105005	Nguyễn Hạnh Thảo	Nguyên	14/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	106/106	7.4	2.74	Khá	
295	5	B22105007	Trần Nguyễn Phương	Thảo	29/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	106/106	7.7	3.04	Giỏi	
296	6	B22105008	Nguyễn Anh	Thơ	23/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	106/106	7.6	2.94	Khá	
297	7	B22105009	Nguyễn Thị Khánh	Tiền	17/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	106/106	7.7	2.95	Khá	
298	8	B22105012	Huỳnh Như	Ý	19/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	106/106	7.4	2.86	Khá	
299	9	B22105013	Nguyễn Ngọc	Ý	05/6/2004	Nam	Gia Lai	106/106	7.3	2.80	Khá	
12. Lớp Cao đẳng Kỹ thuật Phục hình răng 5 (25/29 sinh viên)												
300	1	B22106001	Hán Thị Phương	Anh	06/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	100/100	6.8	2.45	Trung bình	
301	2	B22106002	Nguyễn Gia	Bảo	25/12/2004	Nam	Khánh Hòa	100/100	6.7	2.25	Trung bình	
302	3	B22106005	Lê Công	Hùng	11/7/2001	Nam	Đắk Lắk	100/100	7.3	2.81	Khá	
303	4	B22106007	Lê Anh	Khôi	01/01/2004	Nam	Đồng Nai	100/100	6.2	2.02	Trung bình	
304	5	B22106008	Huỳnh Thị Cẩm	Ly	06/12/2004	Nữ	Đắk Lắk	100/100	7.3	2.68	Khá	
305	6	B22106009	Nguyễn Đức	Mạnh	27/3/2004	Nam	Đồng Nai	100/100	6.6	2.32	Trung bình	
306	7	B22106010	Nguyễn Thị Thúy	Nga	19/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	100/100	7.1	2.57	Khá	
307	8	B22106011	Lê Thị Thu	Ngân	20/9/2003	Nữ	Đắk Lắk	100/100	7.2	2.70	Khá	
308	9	B22106013	Nguyễn Hoài	Nguyên	08/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	100/100	7.8	3.10	Giỏi	
309	10	B22106015	Đàng Thị Thanh	Nguyệt	05/10/2003	Nữ	Khánh Hòa	100/100	6.8	2.38	Trung bình	
310	11	B22106016	Hồ Thị Diệu	Nhã	27/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	100/100	7.1	2.61	Khá	
311	12	B22106018	Đinh Nhật	Phát	02/7/2004	Nam	Khánh Hòa	100/100	6.9	2.48	Trung bình	
312	13	B22106019	Phạm Ân	Phi	10/02/2004	Nam	Đắk Lắk	100/100	7.4	2.75	Khá	
313	14	B22106020	Dương Minh	Phú	04/3/2004	Nữ	Khánh Hòa	100/100	6.8	2.32	Trung bình	
314	15	B22106021	Võ Hồng	Phúc	05/6/2004	Nam	Đắk Lắk	100/100	6.7	2.30	Trung bình	

TT		Mã SV	Họ và Tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số tín chỉ bắt buộc/Số tín chỉ đã tích lũy	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 10)	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 4)	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
315	16	B22106022	Huỳnh Nữ Như Ánh	Quyên	25/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	100/100	7.1	2.64	Khá	
316	17	B22106024	Phan Thị Thanh	Thảo	02/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	100/100	7.5	2.79	Khá	
317	18	B22106025	Trần Như Nhật	Thảo	02/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	100/100	7.2	2.67	Khá	
318	19	B22106027	Nguyễn Ngọc	Tiến	17/8/2004	Nam	Khánh Hòa	100/100	6.6	2.35	Trung bình	
319	20	B22106028	Nguyễn Hoàng	Tiến	06/11/2004	Nam	Đắk Lắk	100/100	7.1	2.64	Khá	
320	21	B22106029	Huỳnh Trung	Tín	23/10/2004	Nam	Khánh Hòa	100/100	7.5	2.87	Khá	
321	22	B22106031	Lương Xuân	Tùng	01/6/2003	Nam	Khánh Hòa	100/100	7.1	2.62	Khá	
322	23	B22106032	Nguyễn Thị Bích	Vân	16/9/2004	Nữ	Đắk Lắk	100/100	7.1	2.57	Khá	
323	24	B22106034	Nguyễn Trọng	Quang	27/11/2002	Nam	Khánh Hòa	100/100	7.4	2.81	Khá	
324	25	B22106035	Mạc Thị	Thúy	12/5/1984	Nữ	Thành phố Hải Phòng	100/100	8.1	3.36	Giỏi	
13. Lớp Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng 5 (10/11 sinh viên)												
325	1	B22109001	Bạch Hồng	Ân	15/3/2002	Nam	Đắk Lắk	102/102	6.8	2.30	Trung bình	
326	2	B22109003	Nguyễn Ngọc	Danh	01/12/2000	Nam	Đắk Lắk	102/102	7.3	2.71	Khá	
327	3	B22109004	Trần Hằng Thái	Hòa	27/12/2004	Nam	Đắk Lắk	102/102	7.0	2.56	Khá	
328	4	B22109005	Nguyễn Thị Thanh	Hung	23/5/2004	Nữ	Khánh Hòa	102/102	7.1	2.67	Khá	
329	5	B22109006	Trương Diệp	Quyên	17/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	102/102	7.2	2.75	Khá	
330	6	B22109007	Trần Bảo	Quỳnh	21/8/2004	Nữ	Khánh Hòa	102/102	7.2	2.62	Khá	
331	7	B22109008	Trương Diệp	Quỳnh	17/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	102/102	7.3	2.73	Khá	
332	8	B22109009	Trần Thanh	Sang	08/01/1985	Nam	Tây Ninh	102/102	7.4	2.83	Khá	
333	9	B22109013	Võ Thị Hồng	Vân	24/10/2004	Nữ	Đắk Lắk	102/102	6.9	2.42	Trung bình	
334	10	B22109014	Nguyễn Thùy	Vi	19/5/2004	Nữ	Đắk Lắk	102/102	6.9	2.40	Trung bình	
14. Sinh viên các lớp kết thúc khóa học không theo đúng tiến độ đào tạo												
335	1	B18103088	Vũ Gia	Mẫn	22/04/2000	Nữ	Khánh Hòa	97/97	6.1	2.20	Trung bình	CĐ Được 8B
336	2	B19103054	Nguyễn Phương Kim	Ngân	04/09/2001	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.7	2.62	Khá	CĐ Được 9B
337	3	B20103002	Nguyễn Hòa	Chân	22/03/2001	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.5	2.45	Trung bình	CĐ Được 10A
338	4	B20103079	Hồ Thị Trà	My	02/08/2002	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.4	2.41	Trung bình	CĐ Được 10C
339	5	B21101012	Nguyễn Thanh	Huyền	13/11/2003	Nữ	Khánh Hòa	103/103	7.4	3.00	Khá	CĐ Điều dưỡng 16A
340	6	B21101038	Vũ Huỳnh Thái	Dương	08/08/2003	Nam	Khánh Hòa	103/103	6.2	2.25	Trung bình	CĐ Điều dưỡng 16B
341	7	B21103162	Nguyễn Huỳnh Trí	Nguyễn	11/06/2003	Nam	Khánh Hòa	96/96	6.7	2.60	Kha	CĐ Được 11B
342	8	B21103079	Đỗ Thành Kim	Ngân	28/7/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.7	2.54	Khá	CĐ Được 11C
343	9	B21103165	Trương Ngọc Yến	Nhi	31/12/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.5	2.42	Trung bình	CĐ Được 11C
344	10	B21103197	Nguyễn Hải	Nhi	13/8/1999	Nữ	Khánh Hòa	74/74	8.3	3.52	Khá	CĐ Được 11C Giảm một mức xếp loại tốt nghiệp từ Giỏi xuống Khá vì có thi lại 01 môn
345	11	B21103206	Phạm Đỗ Thảo	Nguyễn	;27/8/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	7.3	2.93	Khá	CĐ Được 11C
346	12	B21103130	Đoàn Thanh	Thảo	29/11/2003	Nữ	Khánh Hòa	96/96	6.1	2.21	Trung bình	CĐ Được 11D
347	13	B21103143	Phạm Văn	Di	14/12/2002	Nam	Khánh Hòa	96/96	6.5	2.45	Trung bình	CĐ Được 11D
348	14	B21104008	Lê Trung	Kha	20/07/2001	Nam	Khánh Hòa	99/99	7.1	2.83	Khá	CĐ KT Hình ảnh y học 13
349	15	B22203009	Võ Thị Ngọc	Ngân	02/09/1990	Nữ	Khánh Hòa	48/48	7.9	3.10	Khá	CĐLT Được 7 Giảm một mức xếp loại tốt nghiệp từ Giỏi xuống Khá vì có thi lại 02 môn

Tổng cộng: 349 sinh viên được công nhận tốt nghiệp

II. DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số tín chỉ bắt buộc/Số tín chỉ đã tích lũy	Điểm trung bình chung toàn khóa (thang điểm 10)	Điểm trung bìnhchung toàn khóa (thang điểm 4)	Số môn nợ	Tên môn nợ
1. Lớp Cao đẳng Điều dưỡng 17A (01 sinh viên)											
1	B20101013	Lê Hồng	Tân	30/07/1988	Nam	Khánh Hòa	62/99	6.70	2.29	14	1. CSNB cấp cứu và CSTC (3TC) 2. CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình (3TC) 3. CSSK trẻ em (3TC) 4. LS CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình (2TC) 5. LS CSSK trẻ em (2TC) 6. Thực hành dựa theo bằng chứng (2TC) 7. Xác suất, thống kê y học (2TC) 8. CSNB truyền nhiễm (2TC) 9. CSSK cộng đồng (2TC) 10. CSSK tâm thần (2TC) 11. Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội (3TC) 12. LS Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội (2TC) 13. Quản lý điều dưỡng (2TC) 14. Thực tập cuối khóa (4TC)
2. Lớp Cao đẳng Điều dưỡng 17C (01 sinh viên)											
1	B22101073	Lê Thị Mỹ	Hương	25/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	101/103	7.40	2.70	1	1. Thực hành dựa theo bằng chứng (2TC)
3. Lớp Cao đẳng Dược 12A (04 sinh viên)											
1	B22103006	Dương Gia	Bảo	29/4/2004	Nam	Khánh Hòa	82/94	7.60	2.90	4	1. Tiếng anh 1 (3TC) 2. Tin học (3TC) 3. Giáo dục chính trị (4T) 4. Sinh học và di truyền (2TC)
2	B22103024	Hoàng Thị Sang	Đài	19/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	89/96	6.90	2.40	2	1. Dược lý (5TC) 2. Dinh dưỡng tiết chế (2TC)
3	B22103026	Võ Thành	Đạt	17/11/2004	Nam	Khánh Hòa	88/96	6.80	2.40	2	1. Tiếng anh 1 (3TC) 2. Dược lý (5TC)
4	B22103041	Kiều Xuân	Hi	16/9/2003	Nữ	Khánh Hòa	91/96	7.40	2.80	1	1. Dược lý (5TC)
4. Lớp Cao đẳng Dược 12B (03 sinh viên)											
1	B22103053	Nguyễn Thanh	Hoàng	23/11/2003	Nam	Khánh Hòa	89/96	6.70	2.30	2	1. Bảo chế (5) 2. Dinh dưỡng tiết chế (2TC)
2	B22103060	Hạng Tái Xuân	Huy	28/8/1999	Nam	Khánh Hòa	94/96	6.70	2.30	1	1. Kỹ năng giao tiếp - GDSK (2TC)
3	B22103088	Lê Huỳnh Trúc	Linh	31/10/2004	Nữ		66/96	6.40	2.10	12	1. GD quốc phòng & an ninh 2. Sinh lý (2TC) 3. Tổ chức quản lý dược (2TC) 4. Dược cổ truyền (3TC) 5. Xác suất, thống kê y học (2TC) 6. Kinh tế dược (2TC) 7. Kỹ năng giao tiếp - GDTC (2TC) 8. Thực hành nghiên cứu khoa học (2TC) 9. Dược lâm sàng (5TC) 10. Thực phẩm chức năng (2TC) 11. Quản trị kinh doanh dược (2TC) 12. Dược mỹ phẩm (2TC)
5. Lớp Cao đẳng Dược 12C (02 sinh viên)											
1	B22103112	Huỳnh Lê Bảo	Ngân	14/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	92/96	7.40	2.60	1	1. Kiểm nghiệm (4TC)
2	B22103137	Thới Trần Quỳnh	Như	06/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	94/96	6.90	2.40	1	2. Sinh học và di truyền (2TC)
6. Lớp Cao đẳng Dược 12D (10 sinh viên)											
1	B22103163	Trần Đình	Sang	04/6/2004	Nam	Khánh Hòa	90/96	6.60	2.20	2	1. Tiếng anh 1 (3TC) 2. Thực vật dược (3TC)
2	B22103170	Nguyễn Lê Trúc	Thảo	30/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	91/96	6.80	2.30	1	1. Dược lý (5TC)
3	B22103172	Nguyễn Thị Kim	Thảo	05/10/2004	Nữ	Khánh Hòa	93/96	6.80	2.30	1	1. Tiếng anh 1 (3TC)
4	B22103176	Đoàn Anh	Thư	19/6/2004	Nữ	Đắk Lắk	91/96	7.00	2.40	1	1. Dược lý (5TC)
5	B22103178	Nguyễn Phan Minh	Thư	19/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	91/96	6.80	2.40	1	1. Dược lý (5TC)
6	B22103179	Nguyễn Thị Xuân	Thư	30/4/2004	Nữ	Khánh Hòa	94/96	7.10	2.50	1	1. Sinh lý (2TC)
7	B22103186	Trần Thị Quỳnh	Trân	19/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	89/96	7.10	2.50	2	1. Hóa đại cương - vô cơ (2TC) 2. Dược lý (5TC)
8	B22103189	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/8/2003	Nữ	Khánh Hòa	93/96	7.00	2.50	1	1. Thực vật dược (3TC)
9	B22103195	Võ Ngọc Thùy	Trang	24/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	91/96	6.90	2.50	2	1. Sinh lý (2TC) 2. Thực vật dược (3TC)

10	B22103197	Nguyễn Lê Phương	Trình	24/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	88/96	7.10	2.50	2	1. Thực vật được (3TC) 2. Bảo chế (5TC)
7. Lớp Cao đẳng Dược 12E (12 sinh viên)											
1	B22103201	Nguyễn Trung	Chính	10/01/2004	Nam	Khánh Hòa	91/96	6.50	2.10	2	1. Y đức (2TC) 2. Hóa được (3TC)
2	B22103205	Nguyễn Tuấn	Kiệt	29/11/2004	Nam	Khánh Hòa	84/96	6.60	2.10	4	1. Vi sinh - KST (2TC) 2. Giải phẫu (3TC) 3. Sinh lý (2TC) 4. Dược lý (5TC)
3	B22103206	Lê Nhật	Linh	23/10/2003	Nữ	Thành phố Đà Nẵng	93/96	6.90	2.40	1	1. Giải phẫu (3TC)
4	B22103207	Đặng Gia	Long	08/01/2004	Nam	Khánh Hòa	83/96	6.90	2.40	4	1. Thực vật được (3TC) 2. Sinh lý (2TC) 3. Bảo chế (5TC) 4. Hóa được (3TC)
5	B22103218	Nguyễn Phan Minh	Trung	07/11/2000	Nam	Khánh Hòa	89/96	7.20	2.80	2	1. Sinh lý (2TC) 2. Bảo chế (5TC)
6	B22103212	Phan Vũ Quỳnh	Như	15/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	94/96	7.10	2.50	1	1. Sinh lý (2TC)
7	B22103221	Hoàng Trọng	Tuấn	03/10/2003	Nam	Khánh Hòa	71/96	6.60	2.20	10	1. Y đức (2TC) 2. Sinh học và di truyền (2TC) 3. Hóa hữu cơ (3TC) 4. Thực vật được (3TC) 5. Pháp luật (2TC) 6. Giải phẫu (3TC) 7. Sinh lý (2TC) 8. Giáo dục thể chất 9. Bệnh học (3TC) 10. Bảo chế (5TC)
8	B22103225	Mang Thị Nhược	Uy	05/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	94/96	7.10	2.50	1	1. Sinh lý (2TC)
9	B22103227	Huỳnh Lê Phương	Uyên	22/7/2004	Nữ	Khánh Hòa	91/96	6.30	2.00	2	1. Giải phẫu (3TC) 2. Sinh lý (2TC)
10	B22103245	Phan Tường	Vy	19/02/2004	Nữ	Khánh Hòa	92/96	6.70	2.20	1	1. Giáo dục chính trị (4TC)
11	B22103248	Đinh Thị Như	Ý	03/11/2004	Nữ	Khánh Hòa	88/96	6.60	2.20	2	1. Giải phẫu (3TC) 2. Dược lý (5TC)
12	B22103250	Võ Thị Hoài	Thương	05/9/2004	Nữ	Khánh Hòa	93/96	6.80	2.30	1	1. Giải phẫu (3TC)
8. Lớp Cao đẳng KT HA YH 14 (01 sinh viên)											
1	B22104007	Y YUN YOL	NIÊ	06/11/2002	Nam	Đắk Lắk	97/99	7.00	2.40	1	1. Bệnh học nội khoa (2TC)
9. Lớp Cao đẳng KT XN YH 14 (03 sinh viên)											
1	B22105002	Nguyễn Vinh	Hiển	22/11/2004	Nam	Khánh Hòa	101/106	7.20	2.50	2	1. Sinh học và di truyền (2TC) 2. Bệnh học (3TC)
2	B22105010	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	18/01/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/106	7.00	2.40	1	1. Bệnh học (3TC)
3	B22105011	Lê Nguyễn Tường	Vy	17/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	103/106	7.10	2.60	1	1. Bệnh học (3TC)
10. Lớp Cao đẳng KT Phục hình răng 5 (4 sinh viên)											
1	B22106023	Nguyễn Ngọc	Thành	01/02/2004	Nữ		72/100	6.50	2.00	11	1. Tin học (3TC) 2. GDQP và an ninh 3. Xác suất, thống kê y học (2TC) 4. Kỹ thuật phục hình cầu, sứ, kim loại (3TC) 5. Kỹ thuật phục hình khùng và khùng liên kết (3TC) 6. Phối hợp lâm sàng 3 (3TC) 7. Thực hành NCKH (2TC) 8. Kỹ thuật chỉnh hình răng mặt (3TC) 9. Công nghệ CAD/CAM nha khoa (2TC) 10. Implant và kỹ thuật phục hình trên implant (3TC) 11. Thực tập cuối khóa (4TC)
2	B22106026	Huỳnh Thị Gia	Thy	24/12/1997	Nữ	Khánh Hòa	92/100	7.20	2.70	4	1. Pháp luật (2TC) 2. Vật liệu nha khoa (2TC) 3. Dấu (khuôn) và mẫu trong kỹ thuật phục hình răng (2TC) 4. Ghi và tái lập các tương quan (2TC)
3	B22106033	Lê Hoàng	Viễn	27/6/2004	Nam	Gia Lai	90/100	6.20	1.90	5	1. Sinh lý (2TC) 2. Vật liệu nha khoa (2TC) 3. Dấu (Khuôn) và mẫu trong kỹ thuật phục hình răng (2TC) 4. Tạo mẫu và kỹ thuật sáp (2TC) 5. Vật liệu phục hình răng (2TC)
4	B22106036	Trần Chánh	Quy	04/10/2004	Nam	Khánh Hòa	96/100	6.50	2.10	1	1. Giáo dục chính trị (4TC)
11. Lớp Cao đẳng KT Phục hồi chức năng 5 (01 sinh viên)											
1	B22109011	Trương Phước	Toàn	10/02/2004	Nam	Quảng Trị	100/102	6.90	2.50	1	1. Dinh dưỡng - tiết chế (2TC)

Tổng cộng: 42 sinh viên